

Số: 52/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh – Đại học Thái Nguyên

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-KĐCL ngày 19/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 400/QĐ-KĐCL ngày 28/4/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XXII của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 401/QĐ-KĐCL ngày 28/4/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập các hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục để thẩm định kết quả đánh giá chất lượng cho các cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo tại Phiên họp thứ XXII;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh – Đại học Thái Nguyên, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại Phiên họp XXII ngày 17/5/2023 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh – Đại học Thái Nguyên của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh – Đại học Thái Nguyên theo đúng quy định hiện hành. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Nhà trường và đã được Nhà trường đồng thuận. Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh – Đại học Thái Nguyên cho thấy điểm trung bình của các tiêu chuẩn trong từng mục: Đảm bảo chất lượng về chiến lược, Đảm bảo chất lượng về hệ thống, Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng, Kết quả hoạt động

đều đạt từ 3,50 điểm trở lên và không có tiêu chuẩn nào có điểm trung bình dưới 2,00 điểm (chi tiết trong *Phụ lục I*).

2. Kiến nghị Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh – Đại học Thái Nguyên cần thực hiện 25 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 46, Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh – Đại học Thái Nguyên.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Đinh Văn Toàn

Phụ lục I

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH
– ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 52/NQ-HĐKĐCL ngày 18 tháng 5 năm 2023
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
<i>Mục 1. Đảm bảo chất lượng về chiến lược</i>	3,96
Tiêu chuẩn 1	4,00
Tiêu chuẩn 2	3,75
Tiêu chuẩn 3	3,75
Tiêu chuẩn 4	4,00
Tiêu chuẩn 5	4,00
Tiêu chuẩn 6	4,14
Tiêu chuẩn 7	3,80
Tiêu chuẩn 8	4,25
<i>Mục 2. Đảm bảo chất lượng về hệ thống</i>	4,05
Tiêu chuẩn 9	4,17
Tiêu chuẩn 10	4,50
Tiêu chuẩn 11	3,75
Tiêu chuẩn 12	3,80

Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
<i>Mục 3. Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng</i>	4,02
Tiêu chuẩn 13	4,20
Tiêu chuẩn 14	4,00
Tiêu chuẩn 15	4,20
Tiêu chuẩn 16	4,00
Tiêu chuẩn 17	4,25
Tiêu chuẩn 18	4,25
Tiêu chuẩn 19	3,75
Tiêu chuẩn 20	3,75
Tiêu chuẩn 21	3,75
<i>Mục 4. Kết quả hoạt động</i>	3,88
Tiêu chuẩn 22	4,00
Tiêu chuẩn 23	4,00
Tiêu chuẩn 24	4,00
Tiêu chuẩn 25	3,50

Phụ lục II
CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
ĐỐI VỚI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH
– ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

*(Kèm theo Nghị quyết số: 52/NQ-HĐKĐCL ngày 18 tháng 5 năm 2023
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh – Đại học Thái Nguyên giai đoạn 2018-2022 cho thấy Nhà trường có những điểm mạnh như sau:

1. Về Đảm bảo chất lượng về chiến lược: Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị văn hóa phù hợp với từng giai đoạn phát triển; phản ánh đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của cơ sở giáo dục đại học, trách nhiệm phát triển vùng; có tính ổn định, kế thừa và phát triển. Hệ thống quản trị và cơ cấu quản lý được thiết lập và hoạt động theo quy định của pháp luật và Luật Giáo dục đại học, đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm giải trình. Các chỉ tiêu chiến lược được xác định khá đầy đủ, bám sát thực tiễn, khả thi, nhất là các chỉ số về lĩnh vực tuyển sinh, quy mô đào tạo, phát triển nguồn nhân lực. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xây dựng có căn cứ và cập nhật khá kịp thời. Công tác quy hoạch và đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực được thực hiện khá tốt; đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn và năng lực nghiên cứu. Tình hình tài chính có sự gia tăng; về cơ bản đảm bảo nguồn lực cho các hoạt động. Cơ sở vật chất được đầu tư, cảnh quan môi trường được chăm sóc tốt, được đánh giá và cải tiến. Công tác phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được chú trọng.

2. Về Đảm bảo chất lượng về hệ thống: Hệ thống đảm bảo chất lượng được thiết lập khá hoàn chỉnh và vận hành khá hiệu quả. Đội ngũ cán bộ chuyên trách có chuyên môn, nghiệp vụ và được đào tạo, bồi dưỡng. Chính sách chất lượng được xây dựng và được đầu tư để đảm bảo thực thi việc thực hiện các kế hoạch chiến lược và nhiệm vụ đảm bảo chất lượng hàng năm. Các hoạt động đảm bảo chất lượng được triển khai đã hỗ trợ phục vụ cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động. Cơ chế đảm bảo chất lượng được vận hành thông qua các hoạt động khảo sát; đã nỗ lực thực hiện tự đánh giá Trường và các chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của AUN-QA. Hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong bước đầu được xây dựng ở các lĩnh vực hoạt động chủ yếu và hỗ trợ cho các cấp ra quyết định phù hợp; công nghệ thông tin được ứng dụng trong thu thập và quản lý dữ liệu thông tin. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin đối sánh được thiết lập; việc đối sánh nội bộ bước đầu được triển khai.

3. Về Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng: Công tác tuyển sinh được đầu tư; tiêu chí và phương thức tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai; kết quả tuyển sinh đã thu hút được sinh viên quốc tế. Hệ thống xây dựng, phát triển chương trình đào tạo được thiết lập khá tốt; cơ chế phản hồi các bên liên quan được sử dụng để cải tiến, cập nhật nội dung chương trình. Triết lý giáo dục được truyền thông rộng rãi. Các hoạt động dạy học khá đa dạng, thúc đẩy rèn luyện các kỹ năng, tinh thần học hỏi và năng lực học tập suốt đời; không gian sáng tạo, mô hình kinh doanh TUEBA CORNER bước đầu được xây dựng. Kế hoạch phát triển hợp tác, nghiên cứu khoa học và kết nối, phục vụ cộng đồng được thiết lập và

có các chính sách phù hợp để thực hiện; các chỉ số thực hiện chính được xây dựng, rà soát, điều chỉnh và được sử dụng để đánh giá, cải tiến; hệ thống, quy trình tổ chức, quản lý kết quả nghiên cứu khoa học được thiết lập, được tạo điều kiện triển khai thực hiện khá hiệu quả. Chiến lược phát triển và kế hoạch phát triển hợp tác trong nghiên cứu có định hướng và giải pháp thực hiện; hoạt động quan hệ đối ngoại và mạng lưới đối tác được mở rộng, phát huy hiệu quả.

4. Về Kết quả hoạt động: Hệ thống quản lý học tập được triển khai; tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình của các ngành đào tạo được xác lập và có hệ thống giám sát. Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm cao. Số lượng, loại hình nghiên cứu khoa học được xác định và có các chính sách khuyến khích, đầu tư; sản phẩm nghiên cứu khá phong phú, đa dạng. Loại hình và khối lượng hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng được quy định cụ thể, được triển khai giám sát và đối sánh nội bộ và có nhiều tác động xã hội tích cực, được ghi nhận. Công tác giám sát kết quả và chỉ số tài chính, chỉ số thị trường của các hoạt động được thực hiện theo quy định và đã góp phần tạo hình ảnh, tăng uy tín cho Nhà trường và đóng góp phát triển Đại học Thái Nguyên.

Tuy nhiên, Nhà trường vẫn còn những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng (cụ thể như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo 25 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Nghiên cứu mô hình đại học định hướng đổi mới sáng tạo để xác định định hướng phát triển, chọn điểm xuất phát và cách đi hiệu quả; có mục tiêu và phương thức huy động nguồn lực địa phương và xã hội để trở thành một think-tank tư vấn hiệu quả cho thành phố Thái Nguyên, vùng trung du và miền núi phía Bắc. Tổng kết, đánh giá thực tiễn mức độ đạt được sự mong muốn và quyết tâm cao của lãnh đạo đối với các giá trị cốt lõi. Quan tâm xây dựng các chỉ số, lượng hóa và đánh giá kết quả và hiệu quả tác động của các giá trị cốt lõi; kết hợp công bố tại các sự kiện của các bên liên quan để tiếp tục tăng tính thuyết phục và truyền cảm hứng, giữ chân và thu hút đội ngũ cán bộ khoa học.

2. Rà soát, cập nhật các văn bản quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị phù hợp với Luật và Nghị định; hoàn thiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường. Sớm ban hành quy chế tài chính, phê duyệt kế hoạch năm học, dự toán tài chính và quyết toán tài chính hằng năm của Hội đồng trường và có báo cáo công khai các kết quả giám sát và kết quả hoạt động tại các hội nghị viên chức và người lao động hằng năm bằng văn bản.

3. Rà soát cơ cấu lãnh đạo và quản lý một cách tổng thể; có hướng dẫn, quy trình rà soát định kỳ, giám sát cơ cấu, chức năng nhiệm vụ và cải tiến quy trình lãnh đạo, quản lý; điều tra khảo sát xã hội về hiệu quả thực hiện chức năng nhiệm vụ của các thành phần trong bộ máy quản lý, năng lực quản trị, và mức độ hài lòng của các bên liên quan để làm căn cứ điều chỉnh hợp lý. Cập nhật các văn bản quản lý cho phù hợp với tình hình mới.

4. Thực hiện đối sánh và định vị tầm nhìn cụ thể hơn, làm cơ sở cho việc xác lập các chỉ số thực hiện chính có tính khả thi khi đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch chiến lược giữa kỳ. Xây dựng bổ sung các chỉ số thực hiện chính về sở hữu trí tuệ và đổi mới sáng tạo, về chuyển đổi số và phục vụ phát triển bền vững cho giai đoạn 2021-2025. Xác định và chỉ rõ các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp cốt lõi trong chiến lược để định hướng ưu tiên đầu tư, đặc biệt quan tâm giải pháp phát triển nguồn lực thực hiện chiến lược; ưu tiên xây dựng và

đầu tư kế hoạch chuyển đổi số và thúc đẩy khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.

5. Có quy chế phối hợp thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý sau giám sát giữa Đảng ủy, Hội đồng trường. Đối sánh với các cơ sở giáo dục đại học khác tương đồng trong quá trình rà soát các chính sách có tính đột phá để phát triển đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng. Xem xét ban hành các nghị quyết chuyên đề của Đảng ủy Trường để chỉ đạo xuyên suốt cả nhiệm kỳ về thực hiện các chính sách.

6. Có các giải pháp đột phá, đủ mạnh nhằm giữ chân người tài, thu hút được các nhà khoa học đầu đàn, đầu ngành. Có quy định tỷ lệ ngân sách trong cơ cấu thu chi tài chính trong Quy chế chi tiêu nội bộ cho việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ. Xây dựng và ban hành hệ thống KPIs đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ, giảng viên, nhân viên một cách khoa học, khách quan, minh bạch; có chính sách trả lương, đãi ngộ phù hợp theo cống hiến đối với Trường. Thường xuyên tiến hành lấy ý kiến của công tác rà soát đối với các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực, trên cơ sở đó rà soát, cập nhật, cải tiến nhằm thực hiện được Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2025.

7. Có giải pháp đột phá và chú trọng đa dạng hóa nguồn thu, tăng nguồn thu từ các chương trình đào tạo mới, dạy bằng tiếng Anh, theo hướng hiện đại, chuyển đổi số; tăng cường liên kết đào tạo quốc tế, hoạt động bồi dưỡng ngắn hạn, hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế và hợp tác với doanh nghiệp trong khoa học công nghệ. Sớm thực hiện các dự án xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, tăng cường trang thiết bị và hạ tầng công nghệ thông tin, đẩy nhanh tiến độ công tác chuyển đổi số nhằm nâng cao năng lực, phát triển theo mô hình đại học thông minh, đại học số hóa. Đẩy mạnh công tác số hóa các nguồn học liệu, cập nhật, bổ sung đầy đủ các giáo trình, tài liệu tham khảo. Xây dựng quy trình đánh giá hiệu quả các hạng mục đầu tư, mua sắm phục vụ hoạt động chuyên môn.

8. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ các đơn vị/cá nhân trong Trường và cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát các hoạt động phát triển các đối tác, mạng lưới, quan hệ và các hoạt động đối ngoại. Ban hành các chính sách, quy định cụ thể tiêu chí đánh giá hoạt động đối ngoại theo các mức độ phát triển. Đánh giá hiệu quả và tác động của các hợp tác; đẩy mạnh các loại hình hợp tác, liên kết với các đối tác có uy tín trong nước và quốc tế và có giải pháp thích hợp hiện thực hóa các hợp tác/liên kết đã ký kết.

9. Tham chiếu Khung đảm bảo chất lượng của ASEAN (AQAF) hoặc của Ủy ban Giáo dục đại học Châu Âu (ENQA), Khung Xuất sắc Baldrige... để tiếp tục hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong phù hợp với các mục tiêu chiến lược, nhu cầu phát triển và tương thích với các yêu cầu của hệ thống đảm bảo chất lượng bên ngoài, với bối cảnh Việt Nam. Rà soát, điều chỉnh và ban hành đầy đủ bộ chỉ số thực hiện/chỉ tiêu phân đầu nhằm đáp ứng được mục tiêu xây dựng, phát triển văn hóa chất lượng. Có các quy định, hướng dẫn về đánh giá chất lượng nghiên cứu khoa học, về mức độ tác động/hiệu quả của hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng; phân tích, làm rõ nguyên nhân của các tồn tại để có kế hoạch khắc phục, cải tiến một cách bài bản và có chiều sâu.

10. Tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ, nhất là đào tạo chuyên sâu về đo lường và đánh giá trong giáo dục, quản trị chất lượng. Cải tiến quy trình tự đánh giá, tổ chức rút kinh nghiệm; lựa chọn ưu tiên, tập trung các phát hiện qua tự đánh giá, đánh giá ngoài để có các biện pháp khắc phục, cải tiến hiệu quả. Chia sẻ và lan tỏa trong các đơn vị những thực hành đảm bảo chất lượng tốt nhất để đáp ứng đầy đủ, có hiệu quả việc thực hiện các mục tiêu chiến

lược; đẩy mạnh truyền thông đảm bảo chất lượng để cán bộ, viên chức hiểu rõ về mô hình đảm bảo chất lượng đang vận hành, qua đó tăng cường nhận thức và mức độ tham gia các hoạt động nhằm hướng tới xây dựng và phát triển văn hóa chất lượng.

11. Rà soát, có kế hoạch phát triển hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, hệ thống thông tin truyền thông ra bên ngoài đảm bảo thu thập, phân tích và sử dụng những thông tin cần thiết phục vụ việc quản lý có hiệu quả các hoạt động. Bổ sung thông tin về đối sánh trong nước, quốc tế với các cơ sở giáo dục khác hoặc đối sánh ngoài các chương trình đào tạo, các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Có biện pháp quản trị tích hợp cơ sở dữ liệu đảm bảo chất lượng, giám sát các chỉ số thực hiện kế hoạch chiến lược; phân tích xu hướng, dự báo kết quả để hỗ trợ hiệu quả cho các cấp liên quan ra quyết định phù hợp. Chú trọng truyền thông về các thành tựu đã đạt được để góp phần tạo thương hiệu, uy tín và tăng thêm hình ảnh của Nhà trường ở trong và ngoài nước.

12. Xác định rõ khái niệm và các hoạt động phục vụ cộng đồng, từ đó xây dựng kế hoạch hành động, huy động nguồn lực cho các hoạt động; lập kế hoạch cải tiến hằng năm với các chỉ số cụ thể và đánh giá hiệu quả thực hiện. Ban hành các chính sách, thủ tục hoặc quy định để hỗ trợ kịp thời cho việc nâng cao chất lượng; thực hiện đối sánh trong các lĩnh vực tài chính, kết quả thực hiện và các chỉ số thị trường, hoạt động đổi mới, sáng tạo, khởi nghiệp. Tăng cường hoạt động đối sánh với các đối tác trong và ngoài nước.

13. Nghiên cứu các giải pháp tuyển sinh đối với các chương trình đào tạo sau đại học, chính sách học bổng, mở rộng quy mô liên kết hợp tác trong đào tạo và hỗ trợ người học để thu hút và tăng quy mô đào tạo; đổi mới nội dung tư vấn và phương thức định hướng ngành học. Xây dựng quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học phù hợp với các đối tượng và sử dụng hiệu quả phần mềm tuyển sinh trong công tác đánh giá, phân tích kết quả, dự báo xu hướng. Xây dựng lộ trình quy hoạch các ngành đào tạo phù hợp; nghiên cứu xây dựng các ngành có yếu tố công nghệ, kinh tế số, du lịch số, marketing số, công nghệ tài chính, liên xuyên ngành.

14. Xác định, phân tích nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động và nhu cầu về năng lực người học sau khi tốt nghiệp một cách đồng bộ. Xây dựng công cụ theo dõi, đo lường, đánh giá năng lực của người học tích lũy trong từng học phần để đạt được chuẩn đầu ra. Xác định chuẩn xác mức độ đóng góp của từng học phần vào việc thực hiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, đảm bảo tính kết nối giữa các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra. Rà soát quy trình thiết kế, phát triển chương trình đào tạo sau đại học; sử dụng có hiệu quả kết quả kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo để có kế hoạch cải tiến phù hợp, hiệu quả.

15. Có hướng dẫn về việc chuyển tải triết lý giáo dục, các giá trị cốt lõi vào các hoạt động đào tạo. Có chính sách thu hút giảng viên có trình độ cao cho các chương trình đào tạo, lĩnh vực mới; tăng cường các phương pháp rèn luyện kỹ năng tự học, năng lực đổi mới sáng tạo thông qua các hình thức học tập trải nghiệm, học theo dự án, tình huống, học tập có tương tác và cá thể hoá người học, khởi nghiệp, ứng dụng chuyển đổi số và đa dạng hơn các chương trình ngoại khóa, học thuật. Nghiên cứu xây dựng hình thức đào tạo kết hợp (Blended Learning); phương án kết nối thông tin – dữ liệu giữa hệ thống quản lý LMS và phần mềm quản lý đào tạo để dễ dàng theo dõi, giám sát và đánh giá người học trong quá trình học tập.

16. Rà soát quy định kiểm tra, thi học phần và quản lý kết quả học tập, nhất là hệ đào

tạo sau đại học đảm bảo phù hợp và đo lường được mức độ người học đạt chuẩn đầu ra. Xây dựng quy trình hướng dẫn giảng viên thực hiện thiết kế độ tin cậy, độ chính xác của các phương pháp, các hoạt động đánh giá có tính hệ thống, đầy đủ đối với các bậc, hệ đào tạo. Tăng cường phân tích, đánh giá đề thi, phân bố điểm sau thi; đánh giá tính hiệu quả, công bằng của các phương pháp, hình thức và công cụ kiểm tra đánh giá; có phân tích, đánh giá sự phù hợp, độ tin cậy của các hình thức thi trắc nghiệm.

17. Ban hành văn bản quy định, hướng dẫn nội dung chi tiết các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học; hằng năm, xây dựng kế hoạch chi tiết triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học. Đánh giá hiệu quả của các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát của Nhà trường và hiệu quả của hệ thống cơ sở dữ liệu, phần mềm quản lý đánh giá, giám sát tiến trình, hiệu quả học tập, rèn luyện và sự tiến bộ của người học trước và sau khi được hỗ trợ, phục vụ.

18. Xem xét, rà soát bổ sung đầy đủ các chỉ tiêu cơ bản trong Chiến lược phát triển Trường và kế hoạch nghiên cứu khoa học về chất lượng, các chỉ số đánh giá đơn vị nghiên cứu và nhóm nghiên cứu. Có chính sách, cơ chế nâng cao chất lượng trong nghiên cứu khoa học để có các phát kiến và nghiên cứu khoa học đỉnh cao; có chính sách, cơ chế tăng cường khai thác các hợp tác với địa phương, nhà đầu tư, doanh nghiệp trong nghiên cứu ứng dụng để tăng cường chuyên giao, thương mại hóa và hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

19. Rà soát, tổng kết hệ thống quản lý và các chính sách, chỉ tiêu về sở hữu trí tuệ; có chính sách hỗ trợ, khuyến khích và thúc đẩy các đơn vị, nhà khoa học đăng ký bản quyền các sản phẩm nghiên cứu khoa học. Tăng cường lấy ý kiến đánh giá của các bên liên quan và đối sánh để đánh giá, cải tiến công tác quản lý, khai thác, sử dụng tài sản trí tuệ. Có định hướng chiến lược, chính sách và các giải pháp cụ thể đẩy mạnh hơn nữa trong khai thác, chuyển giao, thương mại hóa các kết quả nghiên cứu khoa học và tài sản trí tuệ để tăng nguồn thu cho Nhà trường, các đơn vị và nhà khoa học.

20. Có chiến lược, chính sách và các cơ chế để thúc đẩy hợp tác nghiên cứu khoa học đỉnh cao và tăng số dự án, hợp tác nghiên cứu khoa học hướng tới sản phẩm ứng dụng có thể chuyển giao, thương mại hóa. Thường xuyên đánh giá hiệu quả của các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu, các đề tài, dự án nghiên cứu. Có chính sách, giải pháp tăng đối tác là các doanh nghiệp và nhà đầu tư tiềm năng để thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, thương mại hóa các kết quả nghiên cứu, giải pháp kinh doanh và quản lý phát huy tiềm năng, thế mạnh của Nhà trường, các đơn vị và cá nhân.

21. Xây dựng kế hoạch hằng năm về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng theo các lĩnh vực; quy định cụ thể nhiệm vụ và nhân sự chịu trách nhiệm. Có các chính sách về đào tạo cung ứng nguồn nhân lực có chất lượng, các hoạt động nghiên cứu khoa học, tư vấn, chuyển giao công nghệ. Quy định cụ thể về hệ thống đo lường kết quả kết nối và phục vụ cộng đồng và nhiệm vụ, khối lượng công việc cần thực hiện đối với các cán bộ, giảng viên, nhân viên; thường xuyên tổng kết, đánh giá hiệu quả hoạt động và mức độ đóng góp cho sự phát triển của Nhà trường và đối với sự phát triển kinh tế-xã hội của các địa phương.

22. Có các biện pháp hỗ trợ hiệu quả để tăng tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn, giảm tỉ lệ thôi học và thời gian tốt nghiệp trung bình. Tăng cường khảo sát đánh giá chất lượng người học tốt nghiệp, mức độ ổn định công việc, khả năng thăng tiến, phát triển nghề nghiệp và nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng bổ sung của người học tốt nghiệp. Lập kế hoạch và triển khai thực hiện đối

sánh với các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước; phân tích phân khúc thị trường việc làm của sinh viên tốt nghiệp để có các biện pháp cải tiến, điều chỉnh chương trình đào tạo, các hoạt động đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo và cải thiện mức độ hài lòng các bên liên quan.

23. Có chiến lược, giải pháp đột phá nâng cao hiệu quả nghiên cứu và sáng tạo, tăng cường chuyển giao khoa học công nghệ; xác lập đầy đủ các chỉ số KPIs về chất lượng các loại hình, kết quả nghiên cứu khoa học và sở hữu trí tuệ. Có cơ sở dữ liệu theo dõi một cách hệ thống các công bố khoa học để giám sát và thực hiện đối sánh trong và ngoài nước. Chú trọng hoạt động hướng nghiệp, khởi nghiệp, tạo môi trường sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; tăng ngân quỹ nghiên cứu khoa học cho người học. Có cơ chế khuyến khích, hỗ trợ tăng số lượng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và thúc đẩy kết nối, liên kết doanh nghiệp, nhà đầu tư để chuyển giao, thương mại hóa các tài sản trí tuệ.

24. Xây dựng kế hoạch hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng hàng năm, xác định rõ nhiệm vụ và nhân sự chịu trách nhiệm. Có kế hoạch đánh giá tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng từ các bên thụ hưởng và từ phía đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học và thực hiện giám sát và đối sánh tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên giữa các đơn vị trong Trường và với các cơ sở giáo dục đại học khác.

25. Có giải pháp đột phá để đa dạng hóa nguồn thu, tăng nguồn thu từ liên kết đào tạo quốc tế, các chương trình đào tạo mới chất lượng cao, dạy bằng tiếng Anh, đáp ứng nhu cầu xã hội và theo xu hướng hiện đại, chuyển đổi số. Mở rộng hoạt động bồi dưỡng ngắn hạn, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế và hợp tác với doanh nghiệp trong khoa học công nghệ, thu hút nhiều đề tài, dự án. Tăng cường đầu tư cho nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của Nghị định 109/2022/NĐ-CP. Xác định bằng văn bản các chỉ số của các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng: chỉ số cạnh tranh, thị phần, thứ hạng, lựa chọn đối tác đối sánh theo tầm nhìn và xây dựng, ban hành các văn bản quy định hệ thống giám sát tổng thể kết quả các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Nghiên cứu và xây dựng lộ trình tham gia xếp hạng riêng của các trường đại học theo bảng xếp hạng trong và ngoài nước, bên cạnh việc vẫn tham gia vào xếp hạng chung với Đại học Thái Nguyên để có thêm căn cứ tham khảo, xây dựng mục tiêu phấn đấu nhằm thực hiện được sứ mạng, tầm nhìn và chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2025.

Trên đây là 25 nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ lưỡng Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng gửi cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội theo quy định.
